

Tuan 11

Địa lí 9 Bài 19: Thực hành Đọc bản đồ, phân tích và đánh giá ảnh hưởng của tài nguyên khoáng sản đối với phát triển công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ

1.1. Xác định trên hình 17.1 (trang 62 SGK 9) vị trí của các mỏ: than, sắt, mangan, thiếc, bôxít, apatit, đồng, chì, kẽm

- Than: Quảng Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn
- Sắt: Thái Nguyên, Yên Bái, Hà Giang
- Mangan: Cao Bằng, Tuyên Quang
- Bô xít: Cao Bằng, Lạng Sơn
- Apatit: Lào Cai
- Đồng: Lào Cai, Sơn La
- Chì – Kẽm: Bắc Kạn

1.2. Phân tích ảnh hưởng của tài nguyên khoáng sản tới phát triển công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ

a. Những ngành công nghiệp khai thác nào có điều kiện phát triển mạnh? Vì sao?

b. Chứng minh ngành công nghiệp luyện kim đen ở Thái Nguyên chủ yếu sử dụng nguyên liệu khoáng sản tại chỗ.

c. Trên hình 18.1 (trang 66 SGK 9), hãy xác định :

- Vị trí của vùng mỏ than Quảng Ninh.
- Nhà máy nhiệt điện Uông Bí.
- Cảng xuất khẩu than Cửa Ông.

d. Dựa vào hình 18.1 (trang 66 SGK 9) và sự hiểu biết, hãy vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm than theo mục đích:

- Làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện.
- Phục vụ nhu cầu tiêu dùng than trong nước.
- Xuất khẩu

Bài 20: Vùng đồng bằng sông Hồng

I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

- Vị trí địa lí:
 - Giáp với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Vịnh Bắc Bộ
- Giới hạn lãnh thổ:
 - Gồm đồng bằng châu thổ, dải đất rìa trung du và miền núi Bắc Bộ
- Ý nghĩa: Thuận lợi trong giao lưu kinh tế xã hội với các vùng trong nước và thế giới.

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

1. Điều kiện tự nhiên

- Địa hình bằng phẳng với đất phù sa do sông Hồng bồi đắp.
- Khí hậu nhiệt đới ẩm, có mùa đông lạnh tạo điều kiện thuận lợi thâm canh tăng vụ, phát triển ụ đông thành vụ sản xuất chính.

2. Tài nguyên thiên nhiên:

- Đất có nhiều loại đất, chiếm diện tích lớn nhất là đất phù sa.
- Khoáng sản: có nhiều loại có giá trị cao (đá xây dựng, sét, cao lanh,...)
- Vùng ven biển và vùng biển thuận lợi cho nuôi trồng, đánh bắt thủy sản và du lịch.
- Khó khăn: Thiên tai, bão lũ, ít tài nguyên khoáng sản, thời tiết thất thường...

III. Đặc điểm dân cư, xã hội

- Số dân 17,5 triệu người chiếm 22% nam 2002.
- Là vùng có dân cư đông đúc nhất nước ta
- Mật độ dân số cao nhất cả nước.
- Thuận lợi:
 - Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
 - Người lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, có chuyên môn kỹ thuật.
 - Kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện nhất cả nước.
 - Có một số đô thị hình thành từ lâu đời như Hà Nội, Hải Phòng...
- Khó khăn:
 - Sức ép dân số đông đối với phát triển kinh tế xã hội.
 - Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm.